

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – CTQ)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – CTQ)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – CTQ)	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B 05 – CTQ)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – CTQ)	11

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

## THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

<b>Giấy phép hoạt động</b>	Số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006 Số 01/UBCK-GP ngày 17 tháng 7 năm 2007 Số 14/UBCK-GPĐC ngày 29 tháng 4 năm 2008 Số 28/UBCK-GPĐC ngày 11 tháng 12 năm 2008 Số 38/UBCK-GP ngày 19 tháng 3 năm 2009 Số 09/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 5 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
<b>Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh</b>	Số 4103005204 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 8 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Bà Nguyễn Thanh Phương    Chủ tịch Ông Cung Trần Việt        Thành viên Ông Phạm Gia Tuấn        Thành viên Ông Nguyễn Hoàng Bảo    Thành viên
<b>Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Phạm Gia Tuấn
<b>Hoạt động chính</b>	Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.
<b>Trụ sở chính</b>	Phòng 2303, Lầu 23, Tòa nhà Lim 9-11 Đường Tôn Đức Thắng, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
<b>Kiểm toán viên</b>	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

## TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động là không phù hợp.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với sự chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày từ Thuyết minh 2 đến Thuyết minh 4 của báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 42. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam.



Phạm Gia Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 15 tháng 3 năm 2017. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 11 đến trang 42.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

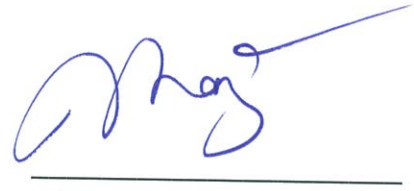
### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Nguyễn Hoàng Nam  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0849-2013-006-1  
Chữ ký được ủy quyền



Hồ Ngọc Thăng  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2262-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM5743  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Như đã nêu trong thuyết minh 3.1 cho báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 01 – CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>148.801.891.401</b>	<b>134.111.566.430</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền		<b>21.807.672.922</b>	<b>67.941.903.872</b>
111	Tiền	5.1	6.807.672.922	7.941.903.872
112	Các khoản tương đương tiền	5.2	15.000.000.000	60.000.000.000
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>114.724.854.127</b>	<b>56.569.799.805</b>
121	Đầu tư ngắn hạn	5.3(a)(i)	117.195.639.442	56.981.271.428
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	5.3(a)(ii)	(2.470.785.315)	(411.471.623)
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>11.350.945.954</b>	<b>8.702.694.753</b>
131	Phải thu khách hàng	5.4	5.202.802.834	6.000.000.000
132	Trả trước cho người bán		-	12.705.000
134	Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5.5	2.512.999.414	2.019.813.219
135	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.6	5.135.143.706	670.176.534
139	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	5.4	(1.500.000.000)	-
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>918.418.398</b>	<b>897.168.000</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	5.7	144.258.524	123.008.126
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	5.10	774.159.874	774.159.874
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>11.275.331.550</b>	<b>20.194.600.227</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>433.398.700</b>	<b>423.248.700</b>
216	Phải thu dài hạn khác	5.9	433.398.700	423.248.700
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>1.035.344.974</b>	<b>1.257.129.188</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	5.8(a)	989.233.250	1.176.903.019
222	Nguyên giá		2.831.382.775	3.217.670.805
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.842.149.525)	(2.040.767.786)
227	Tài sản cố định vô hình	5.8(b)	46.111.724	80.226.169
228	Nguyên giá		815.209.540	768.209.540
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(769.097.816)	(687.983.371)
<b>250</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>9.600.000.000</b>	<b>18.502.166.250</b>
258	Đầu tư dài hạn khác	5.3(b)	9.600.000.000	18.502.166.250
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>206.587.876</b>	<b>12.056.089</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn		206.587.876	12.056.089
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>160.077.222.951</b>	<b>154.306.166.657</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B 01 – CTQ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.132.455.922</b>	<b>3.379.889.893</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.742.955.353</b>	<b>2.990.389.324</b>
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.10	587.009.375	429.226.398
315	Phải trả người lao động		2.195.905.312	1.687.139.767
316	Chi phí phải trả	5.11	455.562.731	368.303.454
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		16.772.235	18.014.005
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		487.705.700	487.705.700
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>389.500.569</b>	<b>389.500.569</b>
333	Phải trả dài hạn khác	5.12	79.500.569	79.500.569
359	Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	5.13	310.000.000	310.000.000
<b>400</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>155.944.767.029</b>	<b>150.926.276.764</b>
<b>410</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>		<b>155.944.767.029</b>	<b>150.926.276.764</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.14	130.000.000.000	130.000.000.000
412	Chiết khấu vốn cổ phần		(2.608.500.000)	(2.608.500.000)
418	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		517.809.468	266.884.955
419	Quỹ dự phòng tài chính		517.809.468	266.884.955
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		27.517.648.093	23.001.006.854
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>160.077.222.951</b>	<b>154.306.166.657</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 01 – CTQ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
(tiếp theo)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2015 VND
4	Nợ khó đòi đã xử lý	5.6	80.293.339	-
6	Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ			
6.1	Chứng khoán giao dịch theo mệnh giá		30.355.000.000	4.061.000.000
7	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ theo mệnh giá		57.361.194.000	66.108.194.000
8	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	5.22		
8.1	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		1.242.027.355	41.525.837
8.2	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		29.918.042.613	-
			31.160.069.968	41.525.837
9	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác			
9.1	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.23	420.741.334.000	134.791.489.200
10	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	5.24	36.000.000.000	38.251.477.179
11	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	5.25	1.758.424.157	141.374.849



Lê Thị Hồng Liên  
Người lập



Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởng



Phạm Gia Tuấn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B 02 – CTQ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2016 VND	2015 VND	
01	Doanh thu	5.15	5.725.706.807	3.928.313.132
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>		<b>5.725.706.807</b>	<b>3.928.313.132</b>
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	5.16	5.482.339.989	4.605.549.614
20	<b>Lợi nhuận/(lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh</b>		<b>243.366.818</b>	<b>(677.236.482)</b>
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.17	23.012.968.137	23.208.356.984
22	Chi phí tài chính	5.18	4.915.180.060	7.764.511.305
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.19	13.280.917.431	10.332.829.701
30	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>5.060.237.464</b>	<b>4.433.779.496</b>
31	Thu nhập khác		280.566.001	26.529.819
32	Chi phí khác		279.895.382	212.581.026
40	<b>Lợi nhuận/(lỗ) khác</b>		<b>670.619</b>	<b>(186.051.207)</b>
50	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>5.060.908.083</b>	<b>4.247.728.289</b>
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.20(a)	42.417.818	-
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	5.20(a,b)	-	368.727.081
60	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>		<b>5.018.490.265</b>	<b>3.879.001.208</b>
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.21	386	298
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.21	386	298

*lh*

Lê Thị Hồng Liên  
Người lập

*Chieu*

Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởng



Phạm Gia Tuấn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 03 – CTQ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2016 VND	2015 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1	Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	5.232.520.612	7.682.856.449
2	Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	(6.642.237.333)	(4.766.653.761)
3	Tiền chi trả cho người lao động	(9.455.131.816)	(11.915.994.285)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(42.417.818)	(287.457.785)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	280.566.001	26.529.819
7	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.985.450.309)	(799.346.776)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(12.612.150.663)</b>	<b>(10.060.066.339)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	(289.036.294)	(34.100.000)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(236.601.655.950)	(101.448.851.918)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	198.888.496.579	160.652.771.265
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	4.480.115.378	6.871.497.632
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(33.522.080.287)</b>	<b>66.041.316.979</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	(6.500.000.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>-</b>	<b>(6.500.000.000)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(46.134.230.950)</b>	<b>49.481.250.640</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>67.941.903.872</b>	<b>18.460.653.232</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>21.807.672.922</b>	<b>67.941.903.872</b>

Lê Thị Hồng Liên  
Người lập

Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởng



Phạm Gia Tuấn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

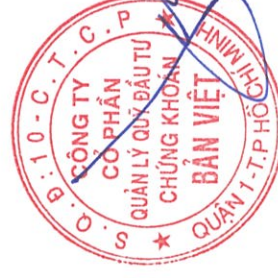
Mẫu số B 05 – CTQ

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chiết khấu vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	130.000.000.000	(2.608.500.000)	72.934.895	72.934.895	26.009.905.766	153.547.275.556
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	3.879.001.208	3.879.001.208
Cổ tức trả trong năm	-	-	-	-	(6.500.000.000)	(6.500.000.000)
Trích lập các quỹ (Thuyết minh 4.14)	-	-	193.950.060	193.950.060	(387.900.120)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	130.000.000.000	(2.608.500.000)	266.884.955	266.884.955	23.001.006.854	150.926.276.764
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	5.018.490.265	5.018.490.265
Trích lập các quỹ (Thuyết minh 4.14)	-	-	250.924.513	250.924.513	(501.849.026)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	130.000.000.000	(2.608.500.000)	517.809.468	517.809.468	27.517.648.093	155.944.767.029



Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởng





Phạm Gia Tuấn  
Tổng Giám đốc  
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Lê Thị Hồng Liên  
Người lập

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09 – CTQ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

### 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005204 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 8 năm 2006, Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh mới nhất số 09/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 5 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Từ ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chịu sự kiểm soát của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (“Công ty mẹ”). Công ty mẹ là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 20/GPĐC-UBCK ngày 5 tháng 9 năm 2014. Hoạt động chính của Công ty mẹ là môi giới chứng khoán, tư vấn chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Trong năm 2016, Công ty quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt (“Quỹ VCHF”) và Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ VCAMBF”).

	<b>Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt</b>	<b>Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt</b>
Hoạt động chính	Quỹ thành viên dạng đóng	Quỹ mở
Giấy chứng nhận đăng ký	Số 08/TB-UBCK	Số 11/GCN-UBCK
Vốn điều lệ	145.541.000.000 Đồng	54.314.089.552 Đồng
Giá trị tài sản ròng tại ngày 15 tháng 1 năm 2016 (ngày giải thể Quỹ VCHF)	206.453.682.819 Đồng	-
Giá trị tài sản ròng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	67.839.106.565 Đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 16 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 17 nhân viên). Trong đó, số nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ là 7 người:

<b>Nhân viên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số</b>	<b>Ngày cấp</b>
Phạm Gia Tuấn	Tổng Giám đốc	000365/QLQ	13 tháng 7 năm 2009
Cung Trần Việt	Giám đốc Phân tích	000537/QLQ	29 tháng 1 năm 2010
Nguyễn Xuân Giao	Giám đốc Đầu tư	000907/QLQ	6 tháng 11 năm 2012
Phạm Viết Lan Anh	Trưởng phòng Đầu tư	000988/QLQ	4 tháng 7 năm 2013
Trần Đỗ Quyên	Kế toán quỹ	001034/QLQ	20 tháng 11 năm 2013
Phạm Xuân Đồng	Giám đốc Đầu tư	001172/QLQ	11 tháng 11 năm 2014
Huỳnh Thị Bảo Trâm	Kiểm soát nội bộ	001414/QLQ	12 tháng 5 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**2 NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền Đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đơn vị Đồng Việt Nam (“Đồng” hoặc “VND”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ, Thông tư 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012 về quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính được soạn thảo dựa theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**3.2 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn ban đầu không quá ba tháng và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền.

**4.2 Các khoản đầu tư**

Công ty không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư và không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư. Do vậy, các khoản đầu tư được ghi nhận là công cụ tài chính thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

**(a) Phân loại**

*Đầu tư chứng khoán*

Đầu tư chứng khoán là các khoản chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

*Các khoản đầu tư dài hạn khác*

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỉ lệ thấp hơn 20% phần vốn của các tổ chức kinh tế mà Công ty là cổ đông sáng lập, hoặc đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình thành lập, quyết định của chính sách tài chính, và hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua văn bản thỏa thuận của nhân sự tham gia Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc.

**(b) Ghi nhận/Chấm dứt ghi nhận**

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là ngày mà Công ty cam kết mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển đi toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

**(c) Đánh giá ban đầu và đánh giá lại**

Các khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá mua và sau đó được ghi nhận bằng giá gốc trừ dự phòng giảm giá tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Cổ phiếu thường và cổ tức trả bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

**(c) Đánh giá ban đầu và đánh giá lại (tiếp theo)**

Dự phòng được lập cho các các khoản đầu tư chứng khoán khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán này. Giá trị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (“HNX”) và Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) là giá kết thúc phiên giao dịch tại ngày lập Bảng cân đối kế toán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”), thì giá thị trường của các chứng khoán đó được xác định bằng cách tham chiếu giá giao dịch bình quân tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Trong những trường hợp khác, Công ty sử dụng giá giao dịch bình quân do ít nhất 3 công ty chứng khoán cung cấp.

Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ trừ trường hợp các công ty bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

**4.3 Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**4.4 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công cụ, dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Chi phí trả trước được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào chi phí trong năm qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

**4.5 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Nâng cấp văn phòng	20%
Thiết bị văn phòng	33%
Phần mềm vi tính	33%

*Thanh lý*

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.6 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**4.7 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

**4.8 Vốn**

*Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu.

Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

*Cổ phiếu quỹ*

Khi Công ty mua lại cổ phiếu của Công ty thì khoản tiền bỏ ra để mua sẽ được trừ vào vốn chủ sở hữu dưới hình thức vốn cổ phiếu quỹ cho đến khi các cổ phiếu này được bán ra hoặc phát hành lại hoặc điều chỉnh giảm vốn. Khoản tiền nhận được do bán ra hoặc phát hành lại sẽ được ghi vào vốn chủ sở hữu.

*Thặng dư/(chiết khấu) vốn cổ phần*

Chênh lệch giữa tiền thu được từ phát hành/mua lại cổ phiếu cao hơn/(thấp hơn) mệnh giá được ghi nhận là thặng dư/(chiết khấu) vốn cổ phần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.9 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi có sự chắc chắn Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

**(a) Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ khác**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trong năm Công ty quản lý Quỹ VCHF, Quỹ VCAMBF và các danh mục đầu tư ủy thác. Công ty được hưởng phí quản lý từ quỹ này và các danh mục đầu tư ủy thác nêu trên. Phí quản lý được tính hàng tháng dựa trên giá trị tài sản ròng của quỹ và mỗi danh mục đầu tư vào ngày cuối tháng.

**(b) Doanh thu hoạt động tài chính**

*Lãi/lỗ do kinh doanh chứng khoán và các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác*

Lãi/lỗ do thanh lý các khoản đầu tư được xác định là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được bán. Giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Thu nhập cổ tức*

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

*Thu nhập lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dự thu lãi trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

**4.10 Chi phí**

Chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở trích trước. Các chi phí phát sinh khi mua các khoản đầu tư được cộng vào giá vốn của các khoản đầu tư đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.11 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**4.12 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**4.13 Chia cổ tức**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**4.14 Trích lập các quỹ**

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty. Theo Thông tư 146/2015/TT-BTC ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015, hằng năm Công ty phải trích lập cho mỗi quỹ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.

**4.15 Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**5.1 TIỀN**

	<u>Tại ngày 31 tháng 12 năm</u>	
	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt tại quỹ	17.064.439	28.212.534
Tiền gửi ngân hàng	6.790.608.483	7.913.691.338
	<u>6.807.672.922</u>	<u>7.941.903.872</u>

**5.2 CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng. Chi tiết như sau:

	<u>Tại ngày 31 tháng 12 năm</u>	
	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Bản Việt	7.000.000.000	46.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	7.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	9.000.000.000
	<u>15.000.000.000</u>	<u>60.000.000.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

Mẫu số B09 – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

*(i) Đầu tư ngắn hạn*

	Tại ngày 31.12.2016		Tại ngày 31.12.2015	
	Số lượng	Nguyên giá VND	Số lượng	Nguyên giá VND
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>				
Ngân hàng TMCP Á Châu (*)	1	200.000.000	-	-
<b>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết</b>				
Công ty Cổ phần FPT ('FPT')	330.000	14.338.898.512	-	-
Công ty Cổ phần CMC ('CVT')	340.000	13.591.715.370	-	-
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ('VNM')	60.000	8.588.934.544	-	-
Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam – CTCP ('SEA')	725.000	7.501.346.050	-	-
Tổng Công ty Viglacera - CTCP ('VGC')	460.000	7.091.451.285	-	-
Tổng Công ty Chăn Nuôi Việt Nam - CTCP ('VLC')	340.000	6.136.846.885	-	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hà Đô ('HDG')	220.020	5.732.915.623	-	-
Tổng Công ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam - CTCP ('VOC')	190.000	4.681.147.520	-	-
Công ty Cổ phần Thiết Bị Y Tế Việt Nhật ('JVC')	370.480	1.332.383.653	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ('DBC')	-	-	168.000	4.513.609.975
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam ('CSM')	-	-	120.000	3.280.263.023
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam ('CMS')	-	-	118.100	1.187.398.430
		<u>68.995.639.442</u>		<u>8.981.271.428</u>
<b>Đầu tư chứng chỉ quỹ mở</b>				
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (**)	4.776.119,40	48.000.000.000	4.776.119,40	48.000.000.000
		<u>117.195.639.442</u>		<u>56.981.271.428</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

Mẫu số B09 – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)**

(i) *Đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)*

(\*) Đây là một khoản tiền gửi có kỳ hạn một năm kể từ ngày gửi.

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số lượng chứng chỉ quỹ do Công ty nắm giữ tương đương 80,5% số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ này (Thuyết minh 7(b)).

Trong năm, biến động của nguyên giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Mua trong năm VND	Phân loại lại (Thuyết minh 5(b)) VND	Bán trong năm VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	-	200.000.000	-	-	200.000.000
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết	8.981.271.428	236.401.655.950	7.070.000.000	(183.457.287.936)	68.995.639.442
Chứng chỉ quỹ mở	48.000.000.000	-	-	-	48.000.000.000
	<u>56.981.271.428</u>	<u>236.601.655.950</u>	<u>7.070.000.000</u>	<u>(183.457.287.936)</u>	<u>117.195.639.442</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

Mẫu số B09 – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)**

(ii) *Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn*

	Tại ngày 31.12.2016		Tại ngày 31.12.2015	
	Số lượng	Dự phòng VND	Số lượng	Dự phòng VND
<b>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết</b>				
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ('VNM')	60.000	(1.052.934.544)	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô ('HDG')	220.020	(485.438.623)	-	-
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP ('VLC')	340.000	(445.246.885)	-	-
Công ty Cổ phần CMC ('CVT')	340.000	(433.713.978)	-	-
Tổng Công ty Viglacera - CTCP ('VGC')	460.000	(53.451.285)	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam ('CMS')	-	-	118.100	(316.263.023)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ('DBC')	-	-	168.000	(95.208.600)
		<u>(2.470.785.315)</u>		<u>(411.471.623)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09 – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

Trong năm, biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Dự phòng trong năm VND	Hoàn nhập trong năm VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết	411.471.623	2.470.785.315	(411.471.623)	2.470.785.315



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09 – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư dài hạn	Tại ngày 31.12.2016			Tại ngày 31.12.2015		
	Tỷ lệ đầu tư	Số lượng	Nguyên giá VND	Tỷ lệ đầu tư	Số lượng	Nguyên giá VND
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>						
Công ty CP Gemadept Vũng Tàu	10%	960.000	9.600.000.000	10%	960.000	9.600.000.000
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam (*)	-	-	-	0,56%	700.000	7.070.000.000
<b>Đầu tư chứng chỉ quỹ</b>						
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	-	-	-	0,5%	17,47	1.832.166.250
			<u>9.600.000.000</u>			<u>18.502.166.250</u>

Trong năm, biến động nguyên giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Mua trong năm VND	Bán trong năm VND	Phân loại lại (Thuyết minh 5(a)) VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
Đầu tư cổ phiếu	16.670.000.000	-	-	(7.070.000.000)	9.600.000.000
Đầu tư chứng chỉ quỹ	1.832.166.250	-	(1.832.166.250)	-	-
	<u>18.502.166.250</u>	<u>-</u>	<u>(1.832.166.250)</u>	<u>(7.070.000.000)</u>	<u>9.600.000.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư dài hạn**

- (\*) Cổ phiếu của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam đã được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ ngày 23 tháng 12 năm 2016. Cũng từ ngày đó, Công ty chuyển đổi mục đích nắm giữ chứng khoán này từ đầu tư dài hạn sang kinh doanh ngắn hạn.

**5.4 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2016 VND	2015 VND
Phải thu từ bán chứng khoán chưa niêm yết (*)	3.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu từ bán chứng khoán niêm yết (**)	2.202.802.834	-
	<u>5.202.802.834</u>	<u>6.000.000.000</u>

- (\*) Đây là khoản phải thu từ bán khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần E-study School, chi tiết như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2016 VND	2015 VND
Thời gian quá hạn	367 ngày	1 ngày
Giá gốc	3.000.000.000	6.000.000.000
Giá trị có thể thu hồi ước tính	1.500.000.000	6.000.000.000
Dự phòng	<u>1.500.000.000</u>	<u>-</u>

- (\*\*) Phải thu từ bán chứng khoán niêm yết thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các chứng khoán được thanh toán sau hai (2) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (ngày T+2) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

Mẫu số B 09 – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5.5 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ**

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2016 VND	2015 VND
Phải thu hoạt động tư vấn quản trị	2.170.000.000	1.870.000.000
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	288.398.171	14.495.946
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Thuyết minh 7(b))	54.601.243	134.688.494
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác	-	628.779
	<u>2.512.999.414</u>	<u>2.019.813.219</u>

**5.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2016 VND	2015 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	3.157.221.163	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	70.878.334	352.958.333
Phải thu người lao động	63.853.210	93.179.443
Phải thu về các khoản thanh toán hộ (*)	-	80.293.339
Phải thu khác	1.843.190.999	143.745.419
	<u>5.135.143.706</u>	<u>670.176.534</u>

(\*) Đây là các khoản thanh toán hộ nhưng không được bồi hoàn, do đó Công ty xóa sổ toàn bộ trong năm theo quyết định số 05A/2016/BB-VCAM ngày 30 tháng 10 năm 2016.

**5.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản trả trước tiền thuê văn phòng, các tài sản phân loại lại từ tài sản cố định theo thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09 – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp văn phòng VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	1.678.448.281	1.539.222.524	<b>3.217.670.805</b>
Mua trong năm	-	242.036.294	<b>242.036.294</b>
Xóa sổ trong năm	-	(628.324.324)	<b>(628.324.324)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>1.678.448.281</u>	<u>1.152.934.494</u>	<u><b>2.831.382.775</b></u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	(559.482.765)	(1.481.285.021)	<b>(2.040.767.786)</b>
Khấu hao trong năm	(335.689.656)	(94.016.407)	<b>(429.706.063)</b>
Xóa sổ trong năm	-	628.324.324	<b>628.324.324</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>(895.172.421)</u>	<u>(946.977.104)</u>	<u><b>(1.842.149.525)</b></u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	<u>1.118.965.516</u>	<u>57.937.503</u>	<u><b>1.176.903.019</b></u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u><u>783.275.860</u></u>	<u><u>205.957.390</u></u>	<u><u><b>989.233.250</b></u></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 810.376.204 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.438.700.528 Đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09 – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phân mềm máy tính VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	768.209.540
Mua trong năm	47.000.000
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	815.209.540
	<hr/>
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	(687.983.371)
Khấu hao trong năm	(81.114.445)
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	(769.097.816)
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	80.226.169
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	46.111.724
	<hr/> <hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 572.699.542 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 534.949.542 Đồng).

5.9 PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác bao gồm các khoản ký quỹ thuê văn phòng.

5.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Phát sinh VND	Chi trả VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	109.000.000	266.996.000	(244.736.000)	131.260.000
Thuế thu nhập cá nhân	320.226.398	1.776.385.552	(1.796.762.575)	299.849.375
Thuế thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán	-	168.153.478	(12.253.478)	155.900.000
Thuế thu nhập từ đầu tư vốn	-	16.776.086	(16.776.086)	-
Thuế TNDN hiện hành (Thuyết minh 5.20(a))	(774.159.874)	42.417.818	(42.417.818)	(774.159.874)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	(344.933.476)	2.270.728.934	(2.112.945.957)	(187.150.499)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả bao gồm trích trước cho các chi phí hoạt động và chi phí quản lý doanh nghiệp.

**5.12 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Phải trả dài hạn khác là dự phòng trợ cấp thôi việc.

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	79.500.569
Chi trả trong năm	-
	79.500.569
Số dư cuối năm	79.500.569

**5.13 QUỸ DỰ PHÒNG BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ**

Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư được trích lập theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc Hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Thông tư 212/2012/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012 về quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ.

**5.14 VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm</b>	
	<b>2016</b>	<b>2015</b>
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký/được cấp phép	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành	13.000.000	13.000.000

Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Tất cả các cổ phiếu đều có cùng các quyền giống nhau về quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn vốn, hay các quyền khác. Mỗi cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ được quyền hưởng cổ tức khi Công ty công bố cổ tức và có một phiếu biểu quyết. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và không phát hành cổ phiếu ưu đãi trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B 09 – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.14 VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(b) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu phổ thông	Vốn cổ phần VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	13.000.000	130.000.000.000

5.15 DOANH THU

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2016 VND	2015 VND
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	2.669.960.000	2.180.000.000
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	2.381.629.230	73.497.254
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Thuyết minh 7(a)(i))	673.478.962	1.665.488.095
Doanh thu khác	638.615	9.327.783
	<u>5.725.706.807</u>	<u>3.928.313.132</u>

5.16 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Toàn bộ chi phí hoạt động kinh doanh trong năm là các chi phí phát sinh cho hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, hoạt động quản lý danh mục đầu tư và hoạt động tư vấn tài chính.

Chi tiết chi phí hoạt động kinh doanh như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	3.806.579.457	3.015.825.155
Chi phí thuê văn phòng và bảo hiểm	582.021.297	622.410.706
Chi phí khấu hao tài sản cố định	173.709.232	167.411.923
Chi phí tư vấn pháp lý	56.287.440	-
Các chi phí khác	863.742.563	799.901.830
	<u>5.482.339.989</u>	<u>4.605.549.614</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B 09 – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.17 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2016 VND	2015 VND
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	15.657.711.595	11.928.347.849
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.123.491.163	5.013.388.820
Lãi tiền gửi	1.231.765.379	2.156.914.367
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn	-	4.109.705.948
	<u>23.012.968.137</u>	<u>23.208.356.984</u>

5.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2016 VND	2015 VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	2.855.866.368	7.669.301.316
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn	2.059.313.692	95.209.989
	<u>4.915.180.060</u>	<u>7.764.511.305</u>

5.19 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	7.977.084.999	6.634.844.347
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	1.500.000.000	-
Chi phí thuê và bảo hiểm văn phòng	1.139.493.734	1.092.162.829
Chi phí khấu hao tài sản cố định	337.111.276	293.857.015
Chi phí kiểm toán và tư vấn	630.340.560	287.832.700
Chi phí xóa sổ nợ khó đòi (Thuyết minh 5.6)	80.293.339	-
Chi phí khác	1.616.593.523	2.024.132.810
	<u>13.280.917.431</u>	<u>10.332.829.701</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**5.20 THUẾ**

**(a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.060.908.083	4.247.728.289
Thuế tính ở thuế suất hiện hành 20% (*)	1.012.181.617	849.545.658
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(1.224.698.233)	(1.002.677.764)
Chi phí không được khấu trừ	125.642.769	168.355.401
Dự phòng thiếu của năm trước	42.417.818	-
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	86.873.847	353.503.786
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>42.417.818</u>	<u>368.727.081</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN hiện hành	42.417.818	-
Thuế TNDN hoãn lại (Thuyết minh 5.20(b))	-	368.727.081
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>42.417.818</u>	<u>368.727.081</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế. Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế cho giai đoạn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**(\*) Thuế suất áp dụng**

Theo các quy định thuế có liên quan áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam và Công văn số 8167/BTC-TCT ngày 22 tháng 6 năm 2011 do Bộ Tài Chính ban hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất là 20% trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 22% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm tiếp theo. Năm có lợi nhuận đầu tiên của công ty là năm 2006. Thuế suất áp dụng cho Công ty từ năm 2008 đến 2010 là 10%, từ 2011 đến 2015 là 20% và từ năm 2016 trở đi là 20% theo Thông tư 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B 09 – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.20 THUẾ (tiếp theo)

(b) Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Thay đổi trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm được ghi nhận như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	-	368.727.081
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 5.20(a))	-	(368.727.081)
Số dư cuối năm	-	-

5.21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	5.018.490.265	3.879.001.208
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	386	298

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09 – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.22 TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

		Tại ngày 31 tháng 12 năm	
		2016	2015
		VND	VND
<b>Nhà đầu tư ủy thác trong nước</b>			
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Nhật Bản	(i)	-	8.195.236
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt	(ii)	1.220.542.682	521.854
Công ty TNHH Đầu Tư Tài Chính & Thương Mại Vạn Lộc	(iii)	21.484.673	32.808.747
		<u>1.242.027.355</u>	<u>41.525.837</u>
<b>Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</b>			
Ngô Vĩnh Tuấn	(iv)	5.984.242.146	-
Yean Kean Lai	(v)	23.933.800.467	-
		<u>29.918.042.613</u>	<u>-</u>
		<u>31.160.069.968</u>	<u>41.525.837</u>

Tình hình tăng giảm tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong năm như sau:

(i) Công ty Cổ phần Chứng Khoán Nhật Bản

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2016	2015
		VND	VND
Số dư đầu năm		8.195.236	6.488.163
Tăng trong năm		5.792.671.181	516.451.534
Giảm trong năm		(5.800.866.417)	(514.744.461)
Số dư cuối năm		<u>-</u>	<u>8.195.236</u>

(ii) Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2016	2015
		VND	VND
Số dư đầu năm		521.854	-
Tăng trong năm		148.275.093.035	61.592.521.854
Giảm trong năm		(147.055.072.207)	(61.592.000.000)
Số dư cuối năm		<u>1.220.542.682</u>	<u>521.854</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09 – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.22 TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(iii) Công ty TNHH Đầu Tư Tài Chính & Thương Mại Vạn Lộc

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	32.808.747	-
Tăng trong năm	107.579.057.924	32.808.747
Giảm trong năm	(107.590.381.998)	-
Số dư cuối năm	<u>21.484.673</u>	<u>32.808.747</u>

(iv) Ngô Vĩnh Tuấn

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	10.987.942.146	-
Giảm trong năm	(5.003.700.000)	-
Số dư cuối năm	<u>5.984.242.146</u>	<u>-</u>

(v) Yean Kean Lai

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	43.943.880.467	-
Giảm trong năm	(20.010.080.000)	-
Số dư cuối năm	<u>23.933.800.467</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09 – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.23 DANH MỤC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2016 VND	2015 VND
<b>Công ty Cổ phần Chứng Khoán Nhật Bản</b> Chứng chỉ quỹ mở (theo giá trị sổ sách)	-	5.599.489.200
<b>Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt</b> Chứng khoán niêm yết (theo giá trị sổ sách)	60.000.000.000	-
Chứng khoán chưa niêm yết (theo giá trị sổ sách)	254.006.209.000	126.192.000.000
<b>Công ty TNHH Đầu Tư Tài Chính &amp; Thương Mại Vạn Lộc</b> Chứng khoán chưa niêm yết (theo giá trị sổ sách)	106.735.125.000	3.000.000.000
<b>Tổng danh mục của nhà đầu tư ủy thác trong nước</b>	<u>420.741.334.000</u>	<u>134.791.489.200</u>

5.24 CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2016 VND	2015 VND
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt (Thuyết minh 7(b))	36.000.000.000	38.251.477.179

5.25 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2016 VND	2015 VND
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Nhật Bản	-	15.056.885
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt (Thuyết minh 7(b))	853.853.212	90.537.964
Công ty TNHH Đầu Tư Tài Chính & Thương Mại Vạn Lộc	853.754.416	35.780.000
Ngô Vĩnh Tuấn	12.043.150	-
Yew Kean Lai	38.773.379	-
	<u>1.758.424.157</u>	<u>141.374.849</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Công ty có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

Rủi ro tín dụng  
Rủi ro thanh khoản  
Rủi ro thị trường

Các hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng từ rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và các rủi ro về giá khác).

Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính.

Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Tổng Giám Đốc xem xét. Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Tổng Giám đốc.

**(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Công ty cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc các tổ chức tín dụng này hoạt động không hiệu quả. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng.

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Công ty chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có mức tín nhiệm rõ ràng. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán, phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng, phải thu từ cổ tức và phải thu hoạt động nghiệp vụ. Các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán phản ánh các giao dịch bán đang chờ thanh toán. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của các khoản phải thu. Công ty tin đã lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu được đánh giá là khó đòi theo quy định tại thuyết minh 5.4.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo Công ty luôn có đủ một lượng tiền và tương đương tiền nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tương đương tiền, chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư. Chứng khoán chưa niêm yết thường không có tính thanh khoản. Các khoản đầu tư của Công ty vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết. Do đó, Công ty có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Công ty thành tiền kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả như sau:

	<b>Dưới 1 năm VND</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	
Chi phí phải trả	455.562.731
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	
Chi phí phải trả	368.303.454

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

**(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá một năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

*Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Công ty là có gốc tiền tệ là tiền Đồng cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

*Rủi ro giá thị trường*

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Công ty đầu tư vào chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% (31.12.2015: 10%) trong khi tất cả các biến số khác, kể cả thuế suất giữ nguyên không đổi, thì giá trị tài sản ròng của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 10.017.631.203 Đồng (31.12.2015: 6.344.501.603 Đồng) tương ứng.

**(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện theo nguyên tắc giao dịch song phẳng ngang giá tại ngày định giá.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán đó tại ngày lập bảng báo cáo tài chính được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết..
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết là giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán. Đối với các chứng khoán mà thị trường không giao dịch thì giá trị hợp lý không xác định được.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09 – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31.12.2016	31.12.2015	31.12.2016	31.12.2015
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Đầu tư tài chính ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	200.000.000	-	200.000.000	-
- Cổ phiếu niêm yết	66.524.854.127	8.569.799.805	70.582.205.000	8.598.830.000
- Chứng chỉ quỹ mở	48.000.000.000	48.000.000.000	54.638.185.040	51.584.525.341
Đầu tư tài chính dài hạn				
- Đầu tư dài hạn khác	9.600.000.000	18.502.166.250	<i>Không xác định</i>	<i>Không xác định</i>
Các khoản phải thu	11.350.945.954	8.702.694.753	11.350.945.954	8.702.694.753
Tiền và tương đương tiền	21.807.672.922	67.941.903.872	21.807.672.922	67.941.903.872
	<u>                    </u>	<u>                    </u>	<u>                    </u>	<u>                    </u>
<b>Nợ tài chính phải trả</b>				
Chi phí phải trả	455.562.731	368.303.454	455.562.731	368.303.454
	<u>                    </u>	<u>                    </u>	<u>                    </u>	<u>                    </u>

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có liên quan đến các bên như sau:

**Các bên liên quan**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt  
Quỹ Đầu tư Chứng Khoán Y tế Bản Việt  
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt  
Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt  
Thành viên Hội đồng quản trị

**Quan hệ**

Công ty mẹ  
Quỹ do công ty quản lý  
Quỹ do công ty quản lý  
Cùng nhân sự quản lý chủ chốt  
Nhân sự quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09 – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2016 VND	2015 VND
<b>i) Doanh thu dịch vụ (Thuyết minh 5.15)</b>		
Phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	41.636.113	1.116.685.061
Phí quản lý từ Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt	631.842.849	548.803.034
	<u>673.478.962</u>	<u>1.665.488.095</u>
<b>ii) Mua dịch vụ</b>		
Phí môi giới chứng khoán trả cho Công ty mẹ	<u>647.932.628</u>	<u>336.359.821</u>
<b>iii) Thanh lý khoản đầu tư</b>		
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	<u>1.832.166.250</u>	<u>-</u>
<b>iv) Các khoản chi cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>3.920.000.000</u>	<u>4.280.000.000</u>
<b>v) Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt	<u>1.176.972.306</u>	<u>1.723.629.777</u>
Tổng số tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong năm của Công ty vào Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt là 146.000.000.000 Đồng.		
<b>vi) Nhận đầu tư ủy thác</b>		
Nhận đầu tư ủy thác từ Công ty mẹ	<u>187.814.209.000</u>	<u>126.192.000.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

Mẫu số B 09 – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

Công ty có các khoản đầu tư sau đây vào các bên liên quan:

	Tại ngày 31.12.2016		Tại ngày 31.12.2015	
	Số lượng	Nguyên giá VND	Số lượng	Nguyên giá VND
Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt (bằng chứng chỉ quỹ)	-	-	17,47	1.832.166.250
Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (bằng chứng chỉ quỹ)	4.776.119,40	48.000.000.000	4.776.119,40	48.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư với các bên liên quan như sau:

	31.12.2016 VND	31.12.2015 VND
<b>Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ (Thuyết minh 5.5)</b>		
Phí quản lý quỹ phải thu từ Quỹ Cân bằng Bản Việt	54.601.243	48.687.436
Phí quản lý quỹ phải thu từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	-	86.001.058
	<u>54.601.243</u>	<u>134.688.494</u>
<b>Các số dư khác với các bên liên quan</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	7.000.000.000	46.000.000.000
Lãi phải thu từ khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	35.008.334	281.050.000
Cổ tức phải thu từ Quỹ Cân bằng Bản Việt	3.157.221.163	-
	<u>3.157.221.163</u>	<u>-</u>
<b>Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán</b>		
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác là Công ty mẹ (Thuyết minh 5.24)	36.000.000.000	38.251.477.179
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác là Công ty mẹ (Thuyết minh 5.25)	853.853.212	90.537.964

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09 – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

8 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cho các hợp đồng thuê hoạt động vẫn phòng không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2016 VND	2015 VND
Dưới 1 năm	458.808.570	1.713.076.200
Từ 1 đến 5 năm	-	458.808.570
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>458.808.570</u>	<u>2.171.884.770</u>

Báo cáo tài chính đã được Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 15 tháng 3 năm 2017.

Lê Thị Hồng Liên  
Người lập

Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởng



Phạm Gia Tuấn  
Tổng Giám đốc